

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Phi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Nguyên

2. Ông Phạm Thanh Trà

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Mộng T, sinh năm 1998 (vắng)

Địa chỉ: Số nhà 66, Tổ 10, ấp Đ, xã S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1996 (vắng)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2021 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mộng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu L tự nguyện chung sống với nhau năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Anh L ham chơi, không lo làm ăn mà còn hay đánh đập chị. Cuộc sống vợ chồng cứ lặn lội không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt và mỗi người sống một nơi kể từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 30 tháng 12 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Mộng T kết hôn tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định là đúng sự thật. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 06/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong việc sinh hoạt chung của gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung đã quyết định sống ly thân từ tháng 06/2021 cho đến nay, hai bên không còn gặp gỡ trao đổi hay thông tin qua lại với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng như xưa nay chị Trần Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- Về nuôi con: Anh và chị Trần Thị Mộng T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh và chị Trần Thị Mộng T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của các đương sự (Bản phô tô), Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính) và Đơn xác nhận nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với bị đơn. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của các đương sự. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh L. Về con chung: Chị T và anh L trình bày anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về tài sản: Chị T và anh L trình bày anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu L có nơi cư trú tại xã S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Trần Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu L. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn và anh Trí là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn có mặt tại phiên hòa giải, bị đơn triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 16/12/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T trình bày trong quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, không tin tưởng lẫn nhau. Hiện nay vợ chồng anh chị đã không còn chung sống, hai bên có nói chuyện để hòa giải nhưng không thành. Anh L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên sau khi trình bày ý kiến của mình thì anh L luôn vắng mặt và không đến Tòa án làm việc nữa.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh L không còn tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị T và anh L trình bày anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản: Chị T và anh L trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mộng T.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

- Về nuôi con: Chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hữu L không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét. Khi nào có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Mộng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002057 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
  - Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
  - Các đương sự (để thi hành);
  - UBND xã S (Số 88, ngày 16/12/2016)
- để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Hà Văn Phi**